



2022年一年级高级华文挑战（一）

姓名: _____ ()

班级: 一年级 () 班 家长签名: _____

日期: _____

一、汉语拼音

请仔细看图片, 然后把代表图片的汉语拼音写在括号里。

sōng shǔ

gōng chǎng

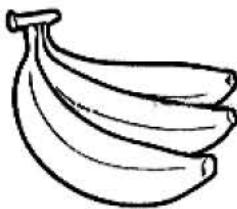
pǎo bù

dú shū

xiāng jiāo

yī shēng

Q1.



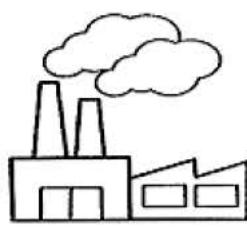
Q2.



(_____)

(_____)

Q3.



Q4.



(_____)

(_____)

Q5.



(_____)

二、填写拼音

qǐng dù yì dù jù zì rán hòu bǎ dài biǎo hàn zì de shēng mǔ yùn mǔ hé shēng
请 读 一 读 句 子， 然 后 把 代 表 汉 字 的 声 母、 韵 母 和 声
diào xiě zài héng xiàn shàng^调 写 在 横 线 上。

Q6. 妹妹在和小狗玩 _____。

Q7. 这是什 _____ 么地方 _____?

Q8. 弟弟没 _____ 看见天上有两 _____ 只小鸟。

三、填写汉字

qǐng dù yì dù jù zì rán hòu gēn jù hàn yǔ pīn yīn bǎ jù zì lǐ suǒ quē de zì xiě zài
请 读 一 读 句 子， 然 后 根 据 汉 语 拼 音， 把 句 子 里 所 缺 的 字 写 在
héng xiàn shàng^横 线 上。

Q9. 这是哥哥的书和_____ (chǐ)。

Q10. _____ (bā) 士上有几个小孩?

Q11. 妈妈今天三点_____ (bàn) 要出门。

Q12. 我_____ (wèn) 妈妈：“我可以喝吗？”

四、看图选句子

qǐng zǐ xì kàn tú piàn , rán hòu bǎ tú piàn hé dài biǎo tú piàn de jù zì lián qǐ
请仔细看图片，然后把图片和代表图片的句子连起来。

Q13.



④

④ 河里有小鱼。

Q14.



④

④ 这是我的书包。

Q15.



④

④ 弟弟自己吃东西。

五、配词

qǐng cóng xuǎn xiàng zhòng xuǎn chū zhèng què de dá àn , rán hòu bǎ dài biǎo dá àn dí hào mǎ
请从选项中选出正确的答案，然后把代表答案的号码
写在空格里。

1. 洗	2. 安	3. 起	4. 山	5. 老
------	------	------	------	------

Q16.

	早
午	

Q17.

	上
羊	

Q18.

	来
立	

SCHOOL : **MAHA BODHI PRIMARY SCHOOL**
LEVEL : **PRIMARY 1**
SUBJECT : **CHINESE**
TERM : **(QUIZ 1) 2022**

Q1)	<i>Xiāng jiāo</i>
Q2)	<i>Yī shēng</i>
Q3)	<i>gōng chǎng</i>
Q4)	<i>pǎo bù</i>
Q5)	<i>dú shū</i>
Q6)	<i>wán</i>
Q7)	<i>shén fāng</i>
Q8)	<i>méi liǎng</i>
Q9)	尺
Q10)	巴
Q11)	半
Q12)	问
Q13)	这是我的书包
Q14)	河里有小鱼
Q15)	弟弟自己吃东西
Q16)	安
Q17)	山
Q18)	起
Q19)	
Q20)	

